

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ SỰ THÍCH ỨNG CỦA PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CÔNG

NGUYỄN BÁ BÌNH *

PHAN ANH ĐỨC **

Tóm tắt: Trong bối cảnh thương mại quốc tế đang thay đổi mạnh mẽ do tác động của chuyển đổi số, bài viết hướng đến việc nhận diện những đặc điểm cốt lõi của chuyển đổi số trong thương mại quốc tế và làm rõ những thay đổi của pháp luật thương mại quốc tế công để thích ứng với các chuyển biến của thương mại quốc tế trong bối cảnh chuyển đổi số. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 1) Các công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo là nền tảng định hình thương mại hiện đại; 2) Sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng trung gian số và vai trò trung tâm của dữ liệu đang làm thay đổi cơ bản hoạt động thương mại quốc tế và đặt ra các thách thức pháp lý mới về quyền riêng tư, quyền tài phán và bảo mật; 3) Về phương diện pháp luật thương mại quốc tế công, hệ thống WTO bộc lộ hạn chế trong các vấn đề thương mại liên quan đến chuyển đổi số; 4) Các hiệp định song phương/khu vực như CPTPP, USMCA, RCEP và các hiệp định kinh tế số đang nổi lên với các mô hình pháp lý cạnh tranh để thích ứng với chuyển đổi số trong thương mại quốc tế.

Từ khoá: Chuyển đổi số; pháp luật thương mại quốc tế công; dữ liệu; hiệp định

Nhận bài: 08/10/2025

Hoàn thành biên tập: 30/4/2026

Duyệt đăng: 30/4/2026

DIGITAL TRANSFORMATION IN INTERNATIONAL TRADE AND THE ADAPTATION OF PUBLIC INTERNATIONAL TRADE LAW

Abstract: As international commerce profoundly changes under the influence of digital transformation, the article aims to identify the core features of digital transformation in international trade and to examine how public international trade law has adapted to these developments. The findings are as follows: first, digital technologies such as cloud computing, big data, the Internet of Things, and artificial intelligence now form the basis of modern commerce; second, the rapid growth of digital intermediary platforms, together with the central role of data, is fundamentally altering the conduct of international trade and raises new legal questions about privacy, jurisdiction and data security; third, as far as public international trade law is concerned, the WTO system has shown clear limits in dealing with trade issues linked to digital transformation; and fourth, bilateral and regional agreements, among them the CPTPP, the USMCA and the RCEP, along with a new generation of digital economy agreements, are putting forward competing legal models to adapt to digital transformation in international trade.

Keywords: Digital transformation; public international trade law; data; agreement

Received: 08 October 2025; Editing completed: 30 April 2026; Accepted for publication: 30 April 2026

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: nguyenbabinh@hlu.edu.vn

** Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: ducpa@hlu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, quá trình chuyển đổi số (CDS) đã trở thành xu hướng tất yếu trên toàn cầu, ảnh hưởng sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội. CDS đã tạo ra những thay đổi lớn trong lĩnh vực thương mại quốc tế (TMQT), từ các phương thức giao dịch, quy trình vận hành cho đến cách thức các quốc gia và doanh nghiệp tương tác trên thị trường toàn cầu. Các công nghệ kỹ thuật số như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trực tuyến không chỉ giúp thúc đẩy tốc độ và phạm vi thương mại mà còn mở ra các cơ hội mới cho sự phát triển toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình CDS cũng đặt ra nhiều thách thức lớn cho hệ thống pháp luật thương mại quốc tế. Các quy định truyền thống về giao dịch thương mại, sở hữu trí tuệ và quản lý dữ liệu không còn phù hợp với đặc điểm phức tạp và biến động của thị trường số hoá. Các quốc gia và tổ chức quốc tế đang phải đối mặt với yêu cầu phải điều chỉnh, cải cách hệ thống pháp luật để phù hợp với bối cảnh mới, bảo đảm tính công bằng, bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thương mại số. Đặt trong bối cảnh đó, bài viết này làm rõ các đặc điểm cơ bản của CDS trong thương mại quốc tế; từ đó xem xét, đánh giá sự thích ứng của pháp luật thương mại quốc tế công đối với những chuyển biến của thương mại quốc tế trong bối cảnh CDS hiện nay.

2. Chuyển đổi số trong thương mại quốc tế

CDS đang trở thành động lực trọng yếu thúc đẩy TMQT phát triển mạnh mẽ. Năm 2025, quy mô thị trường CDS toàn cầu ước

đạt khoảng 1,7 nghìn tỉ USD và dự kiến sẽ tăng lên khoảng 12,5 nghìn tỉ USD vào năm 2035, với tốc độ tăng trưởng kép hằng năm (CAGR) khoảng 22,1% trong giai đoạn 2026-2035¹. Riêng xuất khẩu dịch vụ số toàn cầu đạt 4,5 nghìn tỉ USD, chiếm khoảng 55% tổng thương mại dịch vụ, với mức tăng trưởng 9% mỗi năm². Đồng thời, tỉ lệ người sử dụng Internet toàn cầu tăng từ 23% (2008)³ lên 68,34% (2025), trong đó ở các quốc gia phát triển như Na Uy, Hoa Kỳ tỉ lệ người dùng Internet đạt gần 99%. Những dữ liệu trên cho thấy CDS đang bao trùm hoạt động thương mại toàn cầu.

Một trong những đặc điểm cơ bản của CDS trong TMQT là sự “trỗi dậy” mạnh mẽ của các công nghệ số. Theo Siebel⁴, CDS là kết quả của sự hội tụ công nghệ giữa bốn tiến bộ mang tính cách mạng: điện toán đám mây (Computing Cloud), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence).

Trong TMQT, mỗi công nghệ có vai trò khác nhau nhưng cùng tạo thành hệ thống số hoá chuỗi giá trị thương mại. Điện toán đám

¹ Research Nester (2024), *Digital Transformation Market Size and Forecast 2026-2035*, Research Nester, <https://www.researchnester.com/reports/digital-transformation-market/3624>, truy cập 26/12/2025.

² UNCTAD (2024), *Developing economies surpass \$1 trillion mark in digitally deliverable services exports*, <https://unctad.org/news/developing-economies-surpass-1-trillion-mark-digitally-deliverable-services-exports>, truy cập 23/12/2025.

³ World Population Review (2025), *Internet penetration by country 2025*, https://worldpopulationreview.com/country-rankings/internet-penetration-by-country?utm_source, truy cập 23/12/2025.

⁴ Thomas M. Siebel (2019), *Chuyển đổi số (Digital Transformation)*, Phạm Anh Tuấn dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 12.

mây giữ vai trò hạ tầng kỹ thuật xuyên biên giới, cho phép doanh nghiệp truy cập tài nguyên điện toán theo nhu cầu và đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực giữa các đối tác tại nhiều quốc gia, bất chấp giới hạn địa lý hay múi giờ⁵. Dữ liệu lớn là nền tảng phân tích giúp doanh nghiệp dự báo nhu cầu, tối ưu hoá chuỗi cung ứng toàn cầu, quản lý tồn kho và phát hiện gian lận giao dịch⁶. Internet vạn vật cho phép theo dõi tình trạng hàng hoá theo thời gian thực trong toàn bộ hành trình vận chuyển, trong khi trí tuệ nhân tạo xử lý khối lượng dữ liệu khổng lồ để tự động hoá các quyết định thương mại quan trọng, từ dự báo thị trường, tối ưu hoá lộ trình vận chuyển đến rà soát hợp đồng điện tử và cảnh báo rủi ro pháp lý⁷. Sự hội tụ của các công nghệ này không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành mà còn đặt nền móng cho một hệ sinh thái thương mại xuyên biên giới thông minh, linh hoạt và đáng tin cậy.

Bên cạnh sự trỗi dậy mạnh mẽ của các công nghệ số, đặc điểm quan trọng khác của CDS trong TMQT là sự phát triển nhanh chóng và tác động sâu rộng của các nền tảng trung

gian số (Digital Intermediation Platforms - DIPs). Nền tảng trung gian số là “giao diện trực tuyến có chức năng, thông qua việc thu phí, tạo điều kiện cho sự tương tác trực tiếp giữa nhiều người mua và nhiều người bán mà không có việc nền tảng sở hữu hàng hoá hay trực tiếp cung cấp dịch vụ được giao dịch”⁸. Trong TMQT, các nền tảng này đóng vai trò như hạ tầng kỹ thuật số xuyên biên giới, cho phép việc giao kết, thanh toán, cung ứng và theo dõi giao dịch được thực hiện tức thời và không cần hiện diện thương mại vật lý tại lãnh thổ quốc gia đối tác⁹. DIPs như Amazon Global Selling, Alibaba.com, Shopee International hay các chợ ứng dụng như App Store và Google Play đã trở thành cầu nối chính giữa doanh nghiệp trong nước và thị trường quốc tế¹⁰. Các DIPs này không chỉ giúp các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa tiếp cận thị trường toàn cầu với chi phí thấp mà còn định hình lại toàn bộ chuỗi giá trị xuất nhập khẩu - từ hiển thị sản phẩm, tiếp cận khách hàng, xử lý đơn hàng đến logistics và dịch vụ sau bán hàng¹¹. Khả

⁵ Chang, Y., Iakovou, E., & Shi, W. (2023), “Blockchain in global supply chains and cross border trade: A critical synthesis of the state-of-the-art, challenges and opportunities”, *International Journal of Production Research*, 58(7).

⁶ Akter, S., & Wamba, S. F. (2016), *Big data analytics in e-commerce: A systematic review and agenda for future research*, *Electronic Markets*, 26(2), tr. 179, 181, 186, <https://link.springer.com/article/10.1007/s12525-016-0219-0>, truy cập 24/12/2025.

⁷ Hoang, T. V. (2024), “Impact of integrated artificial intelligence and Internet of Things technologies on smart city transformation”, *Journal of Technical Education Science*, 19 (Special Issue 01), tr. 64, https://www.researchgate.net/publication/378583133_Impact_of_Integrated_Artificial_Intelligence_and_Internet_of_Things_Technologies_on_Smart_City_Transformation, truy cập 27/12/2025.

⁸ OECD, IMF, & WTO (2023), *Handbook on measuring digital trade* (2nd ed.), tr.92, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2023/07/handbook-on-measuring-digital-trade-second-edition_099afd2f/ac99e6d3-en.pdf, truy cập 27/12/2025.

⁹ Chai, Y., Duan, Y., Ma, S., & Wang, J. (2018), “New digital infrastructure, cross-border e-commerce and global vision of creating electronic world trade platform”, *Global Trade and Customs Journal*, 13(4), tr. 157 - 167.

¹⁰ Rebesco, M. C. (2023), *How third-parties marketplace platforms could be used to enhance SMEs presence in foreign markets: The example of two Italian firms that used Alibaba to reach more foreign markets*, Luận văn thạc sĩ, Università Bocconi, tr. 161, 215, 181, <https://unitesi.unive.it/retrieve/2168befd-258b-4050-98e0-cd314a0364ce/893545-1280647.pdf>, truy cập 26/12/2025.

¹¹ Abonyi, G. (2007), *Linking Greater Mekong Subregion enterprises to international markets: The role of*

năng tổ chức thị trường xuyên biên giới với tốc độ và quy mô chưa từng có đã khiến DIPs trở thành nhân tố trung tâm của thương mại số hiện đại. Tuy nhiên, chính vì DIPs không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia nên chúng thách thức các quy tắc truyền thống của TMQT, bao gồm vấn đề phân định quyền tài phán, xác định lãnh thổ đánh thuế, nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN), nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) và minh bạch hoá điều kiện tiếp cận thị trường¹². Việc các nền tảng kiểm soát cả thông tin thị trường, thuật toán phân phối và điều kiện giao kết hợp đồng làm phát sinh rủi ro độc quyền nền tảng, tác động đến cạnh tranh và quyền tự do kinh doanh của nhà cung cấp nội địa. Đồng thời, việc giao dịch thông qua nền tảng số khiến các giao dịch xuất nhập khẩu trở nên khó xác định theo tiêu chí lãnh thổ vật lý, từ đó ảnh hưởng đến cách tính cán cân thương mại và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại¹³.

Cuối cùng, một đặc điểm có tính nền tảng trong bối cảnh CDS của TMQT là vai trò trung tâm của dữ liệu trong mọi hoạt động của kinh

tế số. Trong nền kinh tế số, dữ liệu không chỉ đóng vai trò là đầu vào sản xuất mới mà còn là yếu tố quyết định hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng kết nối trong chuỗi giá trị xuyên biên giới¹⁴. Từ các DIPs, giao dịch thương mại điện tử đến hệ thống logistics thông minh, dữ liệu là nền tảng vận hành, tối ưu hoá và cá nhân hoá các hoạt động thương mại theo thời gian thực. Sự phụ thuộc ngày càng lớn vào dữ liệu cũng làm phát sinh những yêu cầu mới về pháp lý, từ vấn đề bảo vệ quyền riêng tư cá nhân, quyền truy cập dữ liệu đến quyền điều chỉnh của quốc gia trong môi trường xuyên biên giới. Dữ liệu không chỉ là chất xúc tác của thương mại số mà còn là điểm giao thoa giữa công nghệ, luật pháp và địa chính trị trong thời đại CDS toàn cầu.

3. Những vấn đề pháp lý đặt ra từ chuyển đổi số trong thương mại quốc tế

Từ các đặc điểm của CDS trong TMQT, có thể thấy thương mại số đang vận hành theo nguyên lý phi biên giới, dựa trên hạ tầng số và dòng dữ liệu xuyên biên giới. Trong khi đó, các quy phạm pháp luật TMQT công phần lớn được xây dựng cho bối cảnh thương mại truyền thống, gắn với lãnh thổ vật lý và cấu trúc hàng hoá/dịch vụ tương đối ổn định. Sự “lệch pha” này đã làm phát sinh các vấn đề pháp lý mới, cần được giải quyết.

Thứ nhất, vấn đề phân loại và định danh pháp lý đối tượng thương mại số. Sự xuất hiện của các sản phẩm/dịch vụ kỹ thuật số có tính “lai” như phần mềm, nội dung số, dịch vụ điện toán đám mây, trò chơi trực tuyến

global value chains, international production networks and enterprise clusters, United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (UN ESCAP), tr. 21, 47, 48, <https://repository-umat.unescap.org/server/api/core/bitstreams/276d4223-2bbf-4db7-b31f-c0f5a078ed29/content>, truy cập 25/12/2025.

¹² Jones, K. (2025), *The global trading system: What's left of the most-favored nation rule?*, tr. 119, <https://static1.squarespace.com/static/579fc2ad725e253a86230610/t/682b5bd94a0c6f0a919a0eb3/1747672025783/9.+Jones.pdf>, truy cập 26/12/2025.

¹³ Nuccio, M., & Guerzoni, M. (2019), *Big data: Hell or heaven? Digital platforms and market power in the data-driven economy*, *Competition & Change*, 23(3), tr. 16, <https://scispace.com/pdf/big-data-hell-or-heaven-digital-platforms-and-market-power-4sb9d3ksmw.pdf>, truy cập 25/12/2025.

¹⁴ Mueller, M., & Grindal, K. (2019), *Data flows and the digital economy: information as a mobile factor of production*, *Digital Policy, Regulation and Governance*, 21(1), tr. 72, <https://vlex.co.uk/vid/data-flows-and-the-846721671>, truy cập 26/12/2025.

hoặc dịch vụ nền tảng làm mờ ranh giới hàng hoá - dịch vụ và khiến tiêu chí phân loại truyền thống trở nên kém hiệu lực¹⁵. Khi không xác định rõ giao dịch thuộc loại hình nào, việc gán nghĩa vụ và áp dụng các chuẩn mực điều chỉnh trở nên bất định, từ nghĩa vụ tiếp cận thị trường đến cơ chế quản lý nội địa¹⁶. Hệ quả là các nguyên tắc MFN và NT, vốn bảo đảm không phân biệt đối xử, có thể bị suy giảm hiệu lực thực tế bởi sự khác biệt trong phân loại, trong cam kết và trong cách áp dụng biện pháp quản lý có thể tạo ra phân biệt đối xử “gián tiếp” khó kiểm soát bằng các công cụ truyền thống¹⁷.

Thứ hai, vấn đề dữ liệu xuyên biên giới với tư cách nền tảng vận hành của thương mại số. Luồng dữ liệu xuyên biên giới, yêu cầu định vị máy chủ/nội địa hoá dữ liệu, tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu cá nhân, nghĩa vụ cung cấp hoặc tiếp cận dữ liệu cho cơ quan nhà nước... vừa là điều kiện thiết yếu để thương mại số vận hành, vừa là công cụ quản trị rủi ro của quốc gia¹⁸. Những vấn đề này tiềm ẩn sự

xung đột giữa mục tiêu tự do hoá thương mại với quyền điều tiết chính sách công (an ninh mạng, trật tự công, chủ quyền dữ liệu)¹⁹. Các biện pháp kiểm soát dữ liệu nếu thiếu tiêu chuẩn kiểm soát rõ ràng có thể tạo hiệu ứng tương đương rào cản thương mại mới, không nằm ở biên giới hải quan mà nằm ở điều kiện pháp lý đối với hạ tầng vận hành giao dịch²⁰.

Thứ ba, vấn đề thiết kế ngoại lệ và giới hạn quyền điều tiết trong môi trường số. Khi quốc gia viện dẫn mục tiêu chính sách công hoặc an ninh để biện minh cho các biện pháp hạn chế dữ liệu, hạn chế nhà cung cấp công nghệ, yêu cầu chứng nhận an ninh mạng hoặc các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc thì trọng tâm không chỉ là việc khẳng định quyền điều tiết mà còn cần thiết lập được chuẩn mực kiểm tra khách quan về tính không phân biệt đối xử, tính minh bạch, tính cần thiết và tính tương xứng²¹. Nếu thiếu các chuẩn mực này, các ngoại lệ mà nhà nước

¹⁵ Mark Graham và Fabian Ferrari (chủ biên) (2022), *Digital Work in the Planetary Market*, The MIT Press, tr. 9, https://www.econstor.eu/bitstream/10419/281353/1/The-MIT-Press_9780262369824.pdf, truy cập 22/12/2025.

¹⁶ Patricia J. Arnold (2005), “Disciplining domestic regulation: The World Trade Organization and the market for professional services”, *Accounting, Organizations and Society*, 30(4), tr. 299 - 330, <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0361368204000352>, truy cập 22/12/2025.

¹⁷ Sachiko Yoshimura (2026), *Routledge Handbook on International Law*, Routledge, tr. 299, <https://meddialogue.eu/wp-content/uploads/2021/04/HAND-BOOK-OF-INTERNATIONAL-LAW-2009-Syrian-Network-for-Human-Rights.pdf>, truy cập 22/12/2025.

¹⁸ Bret Cohen, Britanie Hall, Charlie Wood (2017), “Data Localization Laws and Their Impact on Privacy,

Data Security and the Global Economy”, *Antitrust*, Vol. 32, No. 1, tr. 107, <https://heinonline.org/HOL/Page?handle=hein.journals/antitrust32&div=22>, truy cập 22/12/2025.

¹⁹ Joshua P. Meltzer (2020), “Cybersecurity, Digital Trade, and Data Flows: Re-thinking a Role for International Trade Rules”, *Global Economy & Development Working Paper*, No. 132, Brookings Institution, tr. 32, <https://ssrn.com/abstract=3595175>, truy cập 24/12/2025.

²⁰ Nikita Melashchenko (2022), *Data Barriers to International Trade*, Luận văn thạc sĩ, Victoria University of Wellington, tr. 108, https://openaccess.wgtn.ac.nz/articles/thesis/Data_Barriers_to_International_Trade/20443746?file=36580053, truy cập 22/12/2025.

²¹ Jangirala Srinivas, Ashok Kumar Das, Neeraj Kumar (2019), *Government regulations in cyber security: Framework, standards and recommendations*, *Future Generation Computer Systems*, 92, tr. 179, <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0167739X18316753>, truy cập 22/12/2025.

được quyền điều tiết có nguy cơ trở thành cơ chế hợp pháp hoá bảo hộ trá hình hoặc “an ninh hoá” chính sách thương mại²².

Thứ tư, vấn đề minh bạch và khả năng dự đoán của các điều kiện tiếp cận thị trường trong bối cảnh DIPs và thuật toán phân phối đóng vai trò quyết định. Các DIPs có thể thiết lập “quy tắc tư” về hiển thị, xếp hạng, phân phối, phí và tiêu chuẩn tham gia thị trường, tác động trực tiếp tới khả năng tiếp cận người tiêu dùng của nhà cung cấp xuyên biên giới²³. Điều này làm nảy sinh thách thức đối với các yêu cầu minh bạch hoá điều kiện tiếp cận thị trường và không phân biệt đối xử, bởi rào cản có thể chuyển dịch sang dạng “kỹ thuật hoá” và “thuật toán hoá”, khó quan sát và khó chứng minh theo các tiêu chí truyền thống²⁴. Đồng thời, các nền tảng xuyên biên giới cũng làm phức tạp hoá việc phân định quyền tài phán và thực thi, nhất là khi chủ thể cung cấp dịch vụ số không hiện diện tại lãnh thổ thị trường tiêu dùng²⁵.

Thứ năm, vấn đề tài sản vô hình trong thương mại số. Trong môi trường số, mã nguồn, thuật toán và dữ liệu vận hành hệ thống trở thành yếu tố cạnh tranh cốt lõi, đồng thời liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ, bí mật kinh doanh và an ninh công nghệ²⁶. Vì vậy, pháp luật TMQT công phải đồng thời dung hoà yêu cầu bảo vệ tài sản vô hình của doanh nghiệp nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo với yêu cầu bảo đảm dự địa điều tiết hợp pháp của quốc gia để phòng, chống gian lận, bảo vệ người tiêu dùng, bảo đảm an ninh mạng và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật²⁷. Việc thiếu tiêu chí cân bằng rõ ràng có thể dẫn đến xung đột giữa các chính sách về công nghệ với nghĩa vụ TMQT²⁸.

Thứ sáu, CDS làm gia tăng nguy cơ phân mảnh chuẩn mực do các quốc gia và khu vực phát triển những bộ quy tắc thương mại số khác nhau, đặc biệt về dữ liệu²⁹. Khi thiếu một chuẩn mực đa phương thống nhất, hệ thống pháp luật TMQT công đối mặt với rủi ro chồng lấn nghĩa vụ, giảm tính dự đoán được và gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp³⁰.

²² Lorenza Mola (2023), “The securitisation of international economic law and ‘global security’: an analysis of the EU law approach through the prism of the Common Commercial Policy”, 12(1), tr. 105 - 128, *Cambridge International Law Journal*, DOI: <https://doi.org/10.4337/cilj.2023.01.07>

²³ Robert Gorwa (2021), *Platform governance: the transnational politics of online content regulation*, Luận án tiến sĩ, University of Oxford, tr. 2 - 3, <https://ora.ox.ac.uk/objects/uuid:63e39d1b-eb8e-4ee8-8df2-d128fee59ee6/files/d3n203z288>, truy cập 22/12/2025.

²⁴ James Maguire, Kristoffer Langkjær Albris, “Digital (mis)trust: ethnographic encounters with computational forms”, *Journal of Cultural Economy*, 17(6), tr. 729.

²⁵ Aiken Larisa O. Serzo (2020), *Cross-border issues for digital platforms: A review of regulations applicable to Philippine digital platforms*, PIDS Discussion Paper Series No.2020-45, Philippine Institute for Development Studies (PIDS), tr. 6 - 7, <https://pidswebs.pids.gov.ph/CDN/PUBLICATION/S/pidsdps2045.pdf>, truy cập 22/12/2025.

²⁶ Cristiana Sappa (2019), “How data protection fits with the algorithmic society via two intellectual property rights - a comparative analysis”, *Journal of Intellectual Property Law & Practice*, 14(5), tr. 407 - 408.

²⁷ Theresa E. Miedema (2018), “Consumer Protection in Cyber Space and the Ethics of Stewardship”, *Journal of Consumer Policy*, 41(1), tr. 55 - 69.

²⁸ Mira Burri, Kholofelo Kugler (2024), “Regulatory autonomy in digital trade agreements”, *Journal of International Economic Law*, tr. 398.

²⁹ Felicity Deane, Emily Woolmer, Shoufeng Cao, Kieran Tranter (2024), “Trade in the Digital Age: Agreements to Mitigate Fragmentation”, *Asian Journal of International Law*, 14(1), tr. 155.

³⁰ Nsiong Louis Eyo-Udo, Charles Elachi Apeh, Bernadette Bristol-Alagbariya, Chioma Ann Udeh, Chikezie Paul-Mikki Ewi (2025), “International Trade Law in the Modern World: A Review of Evolving Practices and Agreements”, *International*

Do đó, vấn đề pháp lí đặt ra không chỉ là bổ sung quy tắc mới mà là xác lập các yêu cầu thích ứng tối thiểu để vừa bảo đảm vận hành hiệu quả của nguyên tắc MFN/NT trong môi trường số, vừa hạn chế phân mảnh và duy trì tính thống nhất tương đối của trật tự pháp luật TMQT công³¹.

4. Sự thích ứng của pháp luật thương mại quốc tế công đối với chuyển đổi số trong thương mại quốc tế

CDS đã và đang làm thay đổi sâu sắc bức tranh thương mại toàn cầu, kéo theo nhu cầu điều chỉnh và tái đánh giá các quy định của pháp luật TMQT công vốn được định hình trong hoạt động thương mại truyền thống. Trước những thay đổi căn bản do CDS mang lại đối với thương mại toàn cầu, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là một trong những thể chế đa phương đầu tiên ghi nhận những tác động của số hoá đối với thương mại khi khởi động Chương trình công tác về thương mại điện tử (WTO Work Programme on Electronic Commerce) từ năm 1998³². Đây là sáng kiến nhằm đánh giá và trong trường hợp cần thiết sẽ điều chỉnh các quy tắc hiện hành trong các lĩnh vực như thương mại dịch vụ, thương mại hàng hoá, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chương trình này không đi kèm một cơ chế đàm phán ràng buộc, dẫn đến tình trạng thảo luận kéo dài mà không đạt được bước tiến

đáng kể nào trong suốt gần ba thập kỉ qua.

Đến nay, khung pháp lí của WTO phần lớn vẫn phản ánh tư duy của thời kì tiền Internet và chưa theo kịp thực tiễn thương mại số đang phát triển nhanh chóng³³. Thực tiễn đã ghi nhận một số vụ kiện quan trọng liên quan đến các dịch vụ số nhưng các phán quyết mới chỉ giải quyết được một phần rất nhỏ các thách thức do CDS đặt ra³⁴. Diễn hình là vấn đề phân loại các sản phẩm/dịch vụ kĩ thuật số mới, vốn không tồn tại tại thời điểm thiết lập các hiệp định WTO, vẫn là một vướng mắc lớn. Câu hỏi liệu phần mềm, sách điện tử nên được coi là hàng hoá (áp dụng GATT) hay dịch vụ (áp dụng GATS) chưa có lời giải đáp đang cho thấy sự lúng túng của hệ thống hiện tại³⁵. Với các sản phẩm phức tạp hơn như trò chơi trực tuyến hoặc các dịch vụ nền tảng, việc xác định phân ngành dịch vụ cụ thể còn khó khăn

³³ Nigel Cory (2019), *Why China Should Be Disqualified From Participating in WTO Negotiations on Digital Trade Rules*, Information Technology & Innovation Foundation (ITIF), tr. 1, <https://www2.itif.org/2019-china-disqualified-wto.pdf>, truy cập 22/12/2025.

³⁴ Xem thêm: WTO (2004 - 2005), *United States - Measures Affecting the Cross-Border Supply of Gambling and Betting Services (US - Gambling)*, WT/DS285/R & WT/DS285/AB/R, https://www.wto.org/english/tratop_e/dispu_e/cases_e/ds285_e.htm; WTO (2009), *China - Measures Affecting Trading Rights and Distribution Services for Certain Publications and Audiovisual Entertainment Products (China - Publications and Audiovisual Products)*, WT/DS363/R & WT/DS363/AB/R, https://www.wto.org/english/tratop_e/dispu_e/cases_e/ds363_e.htm; WTO (2012), *China - Certain Measures Affecting Electronic Payment Services (China - Electronic Payment Services)*, WT/DS413/R, https://www.wto.org/english/tratop_e/dispu_e/cases_e/ds413_e.htm, truy cập 26/12/2025.

³⁵ Sam Fleuter (2016-2017), "The Role of Digital Products under the WTO: A New Framework for GATT and GATS Classification", *Chicago Journal of International Law*, Vol. 17, tr. 153.

Journal of Multidisciplinary Research and Growth Evaluation, Vol. 6, No. 1, tr. 842.

³¹ Omena Akpobome (2024), "The Impact of Emerging Technologies on Legal Frameworks: A Model for Adaptive Regulation", *International Journal of Research Publication and Reviews*, 5(7), tr. 5057.

³² The WTO, *World Trade Organization*, https://www.wto.org/english/thewto_e/thewto_e.htm, truy cập 25/7/2025.

hơn, bởi sự khác biệt đáng kể về cam kết và nghĩa vụ giữa các ngành như viễn thông, máy tính, giải trí và nghe nhìn. Sự bế tắc trong phân loại phản ánh rõ khoảng cách giữa khuôn khổ pháp luật hiện hành và thực tiễn thương mại số³⁶. Mặc dù WTO đã tái khởi động với Sáng kiến Tuyên bố chung về thương mại điện tử năm 2019 nhưng việc đạt được một thỏa thuận toàn diện vẫn gặp nhiều trở ngại, đặc biệt trong bối cảnh mô hình đa phương đang suy yếu³⁷. Tuy thế, WTO không hoàn toàn bị gạt ra ngoài lề trong thời đại số. Hệ thống quy định của tổ chức này vẫn giữ được giá trị nền tảng, đặc biệt với các nguyên tắc không phân biệt đối xử như MFN và NT cũng như cách tiếp cận trung lập về công nghệ trong các lĩnh vực như tiêu chuẩn kỹ thuật, trợ cấp, mua sắm chính phủ và thuận lợi hoá thương mại³⁸. Một ưu thế đáng kể khác là cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, có khả năng “cập nhật mềm” các quy tắc hiện hành thông qua những diễn giải pháp lý đối với các tranh chấp phát sinh từ thương mại số.

Trong bối cảnh pháp luật WTO gặp nhiều bế tắc, các quốc gia đã chuyển hướng sang đàm phán song phương và khu vực, nhằm thiết lập những quy tắc pháp lý mới phù hợp với CDS trong TMQT. Xu hướng này thể hiện rõ qua việc ngày càng nhiều

hiệp định thương mại ưu đãi (PTAs) được ký kết có nội dung liên quan đến thương mại số, cho phép dành một số ưu đãi cho các bên tham gia vượt qua các tiêu chuẩn và cam kết của WTO (“WTO-plus”) và giải quyết các vấn đề nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của WTO (“WTO-extra”)³⁹. Một xu hướng đáng chú ý trong tiến trình phát triển các PTAs là sự gia tăng rõ rệt số lượng các hiệp định có đề cập thương mại số. Trong tổng số hơn 465 hiệp định được ký kết từ năm 2000 đến tháng 11/2024⁴⁰, đã có 203 hiệp định bao gồm các điều khoản liên quan đến thương mại số, trong đó 95 hiệp định dành riêng một chương để điều chỉnh lĩnh vực thương mại điện tử. Đặc biệt, trong bối cảnh WTO còn thiếu các quy định cập nhật về thương mại số, các hiệp định thương mại tự do (FTAs) và hiệp định kinh tế số (DEAs) đang nổi lên như những cơ chế pháp lý thay thế có khả năng định hình luật chơi toàn cầu⁴¹. Các chương về thương mại điện tử trong FTAs đã trở thành nơi chứa đựng các quy tắc pháp lý mới, không chỉ xoay quanh tự do hoá mà còn can thiệp sâu vào khuôn khổ pháp luật trong nước như bảo vệ dữ liệu, luồng dữ liệu xuyên biên giới, bảo mật thông tin, thương

³⁶ World Trade Organization (2019), *World Trade Report 2019: The Future of Services Trade*, tr. 154, https://www.wto.org/english/res_e/booksp_e/00_wtr19_e.pdf, truy cập 24/12/2025.

³⁷ Ines Willemyns (2018), *GATS Classification of Digital Services – Does 'The Cloud' Have a Silver Lining?*, SSRN, tr. 398, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3194676, truy cập 25/12/2025.

³⁸ Mira Burri và Thomas Cottier (2012), *Introduction: Digital Technologies and International Trade Regulation*, SSRN, tr. 3, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1934805, truy cập 24/12/2025.

³⁹ Lillian Corbin và Mark Perry (2019), *Free Trade Agreements: Hegemony or Harmony*, Springer, tr. 3, 5, <https://content.e-bookshelf.de/media/reading/L-11854294-5f56243ab6.pdf>, truy cập 24/12/2025.

⁴⁰ Mira Burri, María Vásquez Callo-Müller và Khodjelo Kugler (2024), *TAPED: Trade Agreement Provisions on Electronic Commerce and Data*, TAPED, tr. 11, https://www.unilu.ch/fileadmin/fakultaeten/rf/burri/TAPED/Codebook_TAPED_Burri_Vasquez_Kugler_November_2024.pdf, truy cập 27/12/2025.

⁴¹ Mira Burri và Rodrigo Polanco (2019), “Digital Trade Provisions in Preferential Trade Agreements: Introducing a New Dataset”, *Journal of International Economic Law*, tr. 188, 196, 220.

mại dịch vụ kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo⁴².

Sự phân hoá trong cách tiếp cận quản lý dữ liệu giữa các cường quốc hay trong các hiệp định song phương/đa phương đang dẫn đến sự hình thành các mô hình điều chỉnh pháp lý khác nhau, phản ánh những trật tự pháp lý đa chiều trong thương mại số toàn cầu. Đầu tiên là cách tiếp cận của Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đối với quản lý dữ liệu thể hiện rõ định hướng tự do hoá thương mại số và chống lại xu hướng bảo hộ dữ liệu quốc gia. Theo quy định của CPTPP, các bên phải cho phép việc chuyển thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử, bao gồm cả dữ liệu cá nhân, khi hoạt động này phục vụ cho mục đích kinh doanh hợp pháp (Điều 14.11.2)⁴³. Đồng thời, CPTPP cấm các quốc gia yêu cầu doanh nghiệp phải sử dụng hoặc đặt máy chủ, trung tâm dữ liệu trong lãnh thổ mình như một điều kiện để hoạt động thương mại số (Điều 14.13.2). Hai quy định này phản ánh cam kết mạnh mẽ của CPTPP đối với quyền tự do lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới, yếu tố then chốt trong nền kinh tế số toàn cầu và loại bỏ các rào cản mang tính địa lý trong quản lý dữ liệu. Tuy nhiên, CPTPP vẫn dành không gian nhất định cho quyền điều tiết của quốc gia thông qua cơ chế ngoại lệ. Theo đó, các biện pháp hạn chế luồng dữ liệu hoặc yêu cầu định vị máy chủ chỉ được chấp nhận nếu nhằm đạt được mục tiêu chính sách công hợp

pháp, không phân biệt đối xử, không phải là rào cản trá hình và không vượt quá mức cần thiết (Điều 14.11.3). Mặc dù cấu trúc ngoại lệ này tương tự với các điều khoản chung trong GATT và GATS của WTO, CPTPP không liệt kê cụ thể danh sách các mục tiêu chính sách công, điều này có thể mở rộng quyền điều tiết nhưng đồng thời cũng làm tăng rủi ro bất định về mặt pháp lý. Bên cạnh đó, CPTPP yêu cầu các bên duy trì khuôn khổ pháp lý để bảo vệ thông tin cá nhân của người sử dụng thương mại điện tử (Điều 14.8.2) nhưng không đưa ra tiêu chuẩn tối thiểu cụ thể. Thay vào đó, Hiệp định khuyến khích tham chiếu đến các nguyên tắc quốc tế có liên quan và thúc đẩy khả năng tương thích giữa các hệ thống pháp luật về dữ liệu. Cách tiếp cận linh hoạt này có thể giúp tạo điều kiện thuận lợi cho đàm phán và thực thi hiệp định trong môi trường pháp lý đa dạng nhưng cũng làm phát sinh những lo ngại về sự thiếu đồng bộ trong mức độ bảo vệ quyền riêng tư, đặc biệt khi so sánh với các hệ thống tiêu chuẩn cao như Quy định Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) của Liên minh châu Âu (EU). Ngoài ra, CPTPP nghiêm cấm việc yêu cầu doanh nghiệp chuyển giao hoặc cung cấp quyền truy cập mã nguồn phần mềm như một điều kiện để nhập khẩu, phân phối hoặc sử dụng tại thị trường nội địa (Điều 14.17). Quy định này nhằm bảo vệ bí mật thương mại, an ninh công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời ngăn chặn việc sử dụng ép buộc chuyển giao công nghệ như một công cụ chính sách công nghiệp. Có thể thấy rằng mô hình pháp lý của CPTPP về quản lý dữ liệu ưu tiên tự do hoá thương mại, bảo hộ doanh nghiệp và giới hạn tối đa sự can thiệp của nhà nước trong không gian số.

⁴² Nsiong Louis Eyo-Udo, Charles Elachi Apeh, Bernadette Bristol-Alagbariya, Chioma Ann Udeh, Chikezie Paul-Mikki Ewi (2025), tldd, tr. 842.

⁴³ CPTPP, <https://www.mfat.govt.nz/assets/Trade-agreements/CPTPP/Comprehensive-and-Progressive-Agreement-for-Trans-Pacific-Partnership-CPTPP-English.pdf>, truy cập 26/12/2025.

Tiếp nối mô hình tự do hoá thương mại số do CPTPP khởi xướng, Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada (USMCA) tiếp tục củng cố định hướng quản lý dữ liệu theo cách tiếp cận cởi mở và có tính ràng buộc cao hơn. USMCA quy định rõ ràng về việc cho phép luồng dữ liệu xuyên biên giới (Điều 19.11(1))⁴⁴ và cấm áp đặt yêu cầu định vị dữ liệu nội địa (Điều 19.12(1)), trong khi vẫn duy trì cơ chế ngoại lệ nhằm bảo vệ chính sách công hợp pháp với cấu trúc tương tự CPTPP (Điều 19.11(2)). Cách tiếp cận này phản ánh sự ưu tiên tuyệt đối cho sự tự do luân chuyển dữ liệu, yếu tố then chốt của thương mại số, đồng thời ngăn ngừa các hình thức bảo hộ mới phát sinh dưới danh nghĩa chủ quyền dữ liệu. Tuy nhiên, so với CPTPP, USMCA thể hiện sự phát triển cao hơn về mặt thể chế. Điều đáng chú ý là hiệp định này lần đầu tiên đưa ra tham chiếu cụ thể đến các khung hướng dẫn quốc tế, bao gồm Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), trong việc xây dựng hệ thống bảo vệ dữ liệu cá nhân (Điều 19.8(2)). Các bên tham gia USMCA cam kết thừa nhận và thúc đẩy các nguyên tắc quan trọng của bảo vệ dữ liệu như giới hạn thu thập, minh bạch, kiểm soát cá nhân và trách nhiệm giải trình (Điều 19.8(3)), đồng thời bảo đảm quyền khắc phục nếu có vi phạm (Điều 19.8(4),(5)). Dù không đặt ra tiêu chuẩn bắt buộc thống nhất, các quy định này cho thấy nỗ lực hướng đến sự hài hoà tối thiểu giữa các hệ thống pháp luật quốc gia. USMCA còn mở rộng phạm vi điều chỉnh khi đưa vào quy

định mới về mã nguồn và thuật toán. Theo đó, các bên không được yêu cầu chuyển giao hoặc truy cập mã nguồn hoặc thuật toán như điều kiện tiếp cận thị trường (Điều 19.16(1)), qua đó bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và bảo mật công nghệ của doanh nghiệp. Đây là phản ứng trực tiếp trước lo ngại về tình trạng lạm dụng yêu cầu chuyển giao công nghệ từ phía một số quốc gia. Một điểm mới quan trọng khác là USMCA có quy định riêng về dịch vụ máy tính tương tác (interactive computer services) (Điều 19.17(2)). Theo đó, các quốc gia không được quy trách nhiệm cho nhà cung cấp dịch vụ nền tảng đối với nội dung do người dùng tạo ra, trừ khi chính nền tảng đó tham gia tạo lập nội dung. Quy định này thể hiện ảnh hưởng rõ rệt của Điều 230 Đạo luật Truyền thông Hoa Kỳ, vốn trao quyền miễn trừ trách nhiệm pháp lý cho các nền tảng trung gian. Mặc dù cơ chế này đang gây tranh cãi tại Hoa Kỳ, USMCA lại thể chế hoá nó như một phần trong khung pháp lý của thương mại số. Ngoài ra, USMCA cũng thể hiện cam kết tự do hoá thông tin công thông qua quy định về dữ liệu chính phủ mở (Điều 19.18), khuyến khích khả năng tiếp cận của công chúng đối với dữ liệu phi cá nhân do chính phủ tạo ra. Với những đổi mới trên, USMCA không chỉ kế thừa khuôn mẫu của CPTPP mà còn thiết lập một mẫu hình pháp lý mới có tính dẫn dắt trong lĩnh vực thương mại số toàn cầu, tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của Hoa Kỳ trong việc định hình “luật chơi” dữ liệu trong TMQT công.

Khác với cách tiếp cận tự do hoá dữ liệu mạnh mẽ của Hoa Kỳ, EU xây dựng mô hình quản lý thương mại số dựa trên nền tảng bảo vệ dữ liệu cá nhân như một quyền cơ bản và

⁴⁴ USMCA, <https://ustr.gov/sites/default/files/files/agreements/FTA/USMCA/Text/19-Electronic-Commerce.pdf>, truy cập 26/12/2025.

bất khả xâm phạm. Quan điểm này được thể hiện rõ trong các hiệp định thương mại mà EU ký kết, đặc biệt từ sau năm 2016. Giai đoạn đầu, các hiệp định như EU - Chile (2002)⁴⁵ (Điều 102 và Điều 37) và EU - Hàn Quốc (2009)⁴⁶ (Điều 7.48) có đề cập thương mại điện tử, song chỉ ở mức hợp tác kỹ thuật hoặc quy định mềm, chưa có cam kết ràng buộc về dữ liệu xuyên biên giới. Bước chuyển mình bắt đầu đến vào năm 2016, với Hiệp định Kinh tế và Thương mại toàn diện giữa EU và Canada (CETA), khi đã có chương riêng về thương mại điện tử⁴⁷ (Điều 16.3) nhưng vẫn tập trung vào thúc đẩy minh bạch pháp luật, khuyến khích cạnh tranh và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ (Điều 16.5), thay vì các quy tắc bắt buộc về luồng dữ liệu. Dù vậy, CETA đã mở ra tiền lệ khi yêu cầu các bên duy trì luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, tham chiếu các chuẩn mực quốc tế như OECD (Điều 16.4). Từ năm 2018, EU bắt đầu thử nghiệm cách tiếp cận linh hoạt hơn, thể hiện qua các điều khoản “giữ chỗ” trong các hiệp định như Hiệp định đối tác kinh tế EU - Nhật Bản⁴⁸ (Điều 8.81) hoặc Hiệp định thương mại EU - Mexico sửa đổi, theo đó các bên sẽ “xem xét lại” khả năng đưa quy định về

luồng dữ liệu sau ba năm. Mặc dù đây không phải là cam kết mạnh nhưng nó đánh dấu bước đầu thay đổi trong chính sách của EU. Trong các hiệp định mới đang đàm phán như với Úc, New Zealand và Tunisia, EU đã chấp nhận đưa vào điều khoản về cấm nội địa hoá dữ liệu và cho phép lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới nhưng với điều kiện tiên quyết là các quy định này phải tuân thủ tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu cao của EU, cụ thể là GDPR. Điều khoản mẫu thường khẳng định rằng “việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư là một quyền cơ bản”⁴⁹ (Điều 6(1)); đồng thời, “mỗi bên có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm cả việc ban hành quy định về luồng dữ liệu xuyên biên giới” (Điều 6(2)). Ngoài ra, các hiệp định này cũng thiết lập cơ chế đánh giá định kỳ sau ba năm để xem xét lại tác động của các quy định dữ liệu đối với quyền riêng tư và mức độ bảo hộ thực tế, đồng thời cho phép đề xuất sửa đổi bất kỳ lúc nào (Điều 5(2)). Điều này tạo không gian điều chỉnh chính sách rộng rãi hơn nhiều so với các cơ chế ngoại lệ mang tính khắt khe trong CPTPP hoặc USMCA. Mô hình của EU vì thế mang tính kết hợp, vừa ủng hộ thương mại số và tự do dữ liệu, vừa kiên quyết bảo vệ giá trị pháp quyền và quyền con người trong kỹ nguyên số. Cách tiếp cận này định hình một trật tự pháp lý riêng biệt và đang dần trở thành đối trọng thực sự với mô hình tự do hoá dữ liệu của Hoa Kỳ trên bản đồ TMQT công⁵⁰.

⁴⁵ Hiệp định Thương mại giữa Liên minh châu Âu và Cộng hòa Chile, [https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22002A1230\(01\)](https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22002A1230(01)), truy cập 25/12/2025.

⁴⁶ Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Hàn Quốc, [https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22011A0514\(01\)](https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22011A0514(01)), truy cập 27/12/2025.

⁴⁷ CETA, [https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22017A0114\(01\)](https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22017A0114(01)), truy cập 26/12/2025.

⁴⁸ Hiệp định Đối tác kinh tế giữa Liên minh châu Âu và Nhật Bản, [https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22018A1207\(01\)](https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:22018A1207(01)), truy cập 25/12/2025.

⁴⁹ Draft EU - Australia Free Trade Agreement, https://policy.trade.ec.europa.eu/eu-trade-relationships-country-and-region/countries-and-regions/australia/eu-australia-trade-agreement_en, truy cập 24/12/2025.

⁵⁰ Svetlana Yakovleva (2020), “Personal Data Transfers

Trong khi đó, cách tiếp cận của Trung Quốc đối với quản lý dữ liệu xuyên biên giới lại phản ánh xu hướng hình thành một mô hình pháp lý mới, mang tính chủ quyền dữ liệu cao và ưu tiên dự địa chính sách quốc nội hơn là cam kết tự do hoá dữ liệu theo chuẩn mực quốc tế. Trung Quốc đang xây dựng một mô hình pháp lý riêng biệt trong quản lý dữ liệu xuyên biên giới, thể hiện rõ ràng qua các cam kết trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP)⁵¹ và các FTA khác mà Trung Quốc đã ký kết. Dù RCEP có đề cập tự do luân chuyển dữ liệu và cấm các biện pháp yêu cầu lưu trữ dữ liệu nội địa (Điều 12.14), các quy định đi kèm lại tạo ra dự địa chính sách rất lớn cho các quốc gia thành viên. Đặc biệt, Điều 12.14.3(a) của RCEP cho phép một bên tự quyết định tính cần thiết của việc thực hiện chính sách công chính đáng, thiết lập một cơ chế đánh giá mang tính chủ quan - điều đi ngược lại với chuẩn mực đánh giá ngoại lệ theo pháp luật WTO. Ngoài ra, điểm (b) của điều khoản này còn khẳng định quyền không bị tranh chấp nếu một bên cho rằng biện pháp được thực hiện là nhằm bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu, củng cố thêm tính tự chủ của các quốc gia như Trung Quốc trong kiểm soát dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới. Điều này cho thấy Trung Quốc đang xây dựng một khuôn khổ pháp lý tập trung vào chủ quyền dữ liệu, coi dữ liệu là tài sản chiến lược cần kiểm soát chặt chẽ, thay vì tiếp cận theo hướng tự do hoá và bảo vệ quyền riêng tư cá nhân như

mô hình của EU hoặc mô hình thương mại hoá dữ liệu của Hoa Kỳ. Không chỉ dừng lại ở RCEP, trong số 22 FTA mà Trung Quốc đã ký kết, chỉ có một nửa có các chương hoặc điều khoản liên quan đến thương mại điện tử/thương mại số cũng như nội dung các điều khoản này đều được thiết kế linh hoạt, cho phép các biện pháp bảo hộ dữ liệu nếu cần thiết⁵². Việc Trung Quốc thể hiện mong muốn gia nhập CPTPP cũng đang đặt ra thách thức lớn cho nước này, bởi CPTPP yêu cầu cam kết mạnh mẽ hơn về quyền tiếp cận và sử dụng Internet, cấm yêu cầu tiết lộ mã nguồn và thúc đẩy tính trung lập của mạng - những nội dung đi ngược lại với mức độ can thiệp sâu của nhà nước Trung Quốc hiện nay vào không gian mạng. Mô hình pháp lý mà Trung Quốc đang định hình có thể được gọi là “mô hình dữ liệu có chủ quyền định hướng nhà nước”, nơi mà việc luân chuyển dữ liệu quốc tế phải phục tùng các ưu tiên an ninh, chính trị và kiểm soát nội địa. Điều này tạo nên một đối trọng rõ rệt với mô hình tự do dữ liệu xuyên biên giới của Hoa Kỳ và mô hình bảo vệ dữ liệu cá nhân chặt chẽ của EU, đồng thời làm nổi bật tính đa trục và xung đột lợi ích trong tiến trình xây dựng luật thương mại số toàn cầu.

Ở chiều ngược lại với các mô hình trên, các hiệp định kinh tế số phản ánh một xu hướng khác trong xây dựng pháp luật thương mại số khi thúc đẩy hợp tác dữ liệu trên cơ sở tin cậy lẫn nhau, tương thích thể chế và hướng đến một mô hình pháp lý linh hoạt, đa phương, thích ứng với các vấn đề mới nổi

in International Trade and EU Law: A Tale of Two ‘Necessities’”, *The Journal of World Investment & Trade*, tr. 15.

⁵¹ RCEP, <https://rcepsec.org/legal-text/>, truy cập 26/12/2025.

⁵² Ministry of Commerce of the People's Republic of China, *Free Trade Agreements*, MOFCOM, <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/china-trade-agreements>, truy cập 25/12/2025.

của thời đại kinh tế số. Sự nổi lên của các hiệp định kinh tế số (Digital Economy Agreements - DEAs) trong những năm gần đây cho thấy nhu cầu cấp thiết về một khung hợp tác pháp lý mới nhằm điều chỉnh các thách thức ngày càng phức tạp của CDS trong thương mại toàn cầu. Trong số 5 hiệp định kinh tế số đã được ký kết, Hiệp định Đối tác kinh tế kỹ thuật số (DEPA)⁵³ giữa Singapore, New Zealand và Chile nổi bật như một mô hình tiên phong không chỉ vì tính độc lập mà còn bởi cách tiếp cận linh hoạt, hướng đến tương lai và có khả năng mở rộng cho các quốc gia khác tham gia (Điều 16.2). DEPA không chỉ kế thừa các quy tắc truyền thống từ CPTPP và một phần từ USMCA mà còn mở rộng phạm vi điều chỉnh tới các lĩnh vực mới nổi như trí tuệ nhân tạo, fintech, danh tính số, dữ liệu mở của chính phủ và thanh toán điện tử (Điều 3.4, Điều 2.7 và Điều 9.4). Việc áp dụng cấu trúc mô-đun với 16 chương riêng biệt cho phép DEPA bao quát toàn diện cả các vấn đề kỹ thuật (như mã hoá, giấy tờ điện tử, cơ chế một cửa (Điều 2.2(5)) lẫn các mục tiêu chính sách rộng hơn như hoà nhập số quyền tiếp cận của nhóm yếu thế và thúc đẩy đạo đức trong công nghệ trí tuệ nhân tạo (Điều 8.2(2)-(3)). Đặc biệt, DEPA đã thể hiện một bước tiến trong quản trị dữ liệu xuyên biên giới khi đặt trọng tâm vào việc tạo dựng môi trường tin cậy và tương thích thể chế giữa các quốc gia thay vì chỉ tập trung vào tự do hoá dữ liệu. Chẳng hạn, DEPA không chỉ đề cập việc chia sẻ dữ liệu thương mại mà còn

thiết lập nguyên tắc về giải thích được, minh bạch, công bằng và lấy con người làm trung tâm trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thể hiện định hướng quản trị dữ liệu có trách nhiệm vượt ra ngoài lợi ích thương mại đơn thuần. Việc thừa nhận vai trò của dữ liệu trong chính sách cạnh tranh, mua sắm công và phát triển xã hội cũng cho thấy một bước chuyển rõ nét sang mô hình “*hợp tác quản trị dữ liệu vì lợi ích chung*”, thay vì tiếp cận dữ liệu như một yếu tố kiểm soát đơn phương hay chỉ là công cụ thương mại (Điều 8.3 và 8.4). Từ góc độ pháp lý quốc tế, DEPA đại diện cho một mô hình thể chế mềm có khả năng tương thích cao, tạo nền tảng hài hoà hoá pháp luật giữa các quốc gia và củng cố cấu trúc pháp lý đa tầng cho thương mại số. Với khả năng mở rộng và định hướng linh hoạt, DEPA có thể đóng vai trò là khuôn mẫu cho các hiệp định thương mại số tương lai, nơi dữ liệu không chỉ là đối tượng điều chỉnh mà còn là trung tâm của các chuẩn mực pháp lý mới⁵⁴.

5. Kết luận

Hệ thống pháp luật TMQT công toàn cầu của WTO, dù có những giá trị mang tính nền tảng song chưa bắt kịp với thực tiễn thương mại số toàn cầu. CDS đang tái cấu trúc TMQT theo hướng phi biên giới và phụ thuộc dữ liệu, khiến các điểm tựa pháp lý truyền thống như phân chia hàng hoá và dịch vụ, tiêu chí lãnh thổ và các dạng rào cản hữu hình khó bao quát đầy đủ thực tiễn giao dịch số. Trong bối cảnh đó, pháp luật TMQT công có xu hướng chuyển dịch trọng tâm xây dựng quy tắc từ cấp độ đa phương sang cấp độ song

⁵³ DEPA, <https://www.digitalizetrade.org/legal-instrument/digital-economy-partnership-agreement-depa>, truy cập 24/12/2025.

⁵⁴ Georgios Dimitropoulos (2025), “Investment law and the digital economy”, *Journal of International Dispute Settlement*, Vol. 16, Iss. 3, September, tr. 3, 15.

phương và khu vực. Ở cấp độ đa phương, WTO ghi nhận sớm thương mại điện tử và tiếp tục giữ vai trò nền tảng về các nguyên tắc không phân biệt đối xử và minh bạch thông qua các quy định cốt lõi như MFN, NT cùng cách tiếp cận tương đối trung lập công nghệ. Tuy nhiên, do khuôn khổ hiện hành chưa quy định đầy đủ các vấn đề đặc thù của thương mại số, đặc biệt là quản trị dữ liệu xuyên biên giới, tiêu chí phân loại đối tượng số có tính “lai” và các chuẩn kiểm soát ngoại lệ trong môi trường an ninh mạng, phản ứng của WTO nhìn chung thiên về mở rộng phạm vi áp dụng của quy tắc sẵn có hơn là hình thành các nghĩa vụ mới có mức độ chi tiết tương xứng với thực tiễn. Chính vì vậy, trọng tâm xây dựng quy tắc pháp lý đã dịch chuyển mạnh sang cấp độ song phương và khu vực, nơi các PTAs, FTAs và DEAs trở thành không gian chủ yếu để mã hoá các vấn đề cốt lõi của thương mại số thành nghĩa vụ cụ thể và cơ chế hợp tác. Trên thực tế, các mô hình pháp lý đã hình thành khá rõ. CPTPP và USMCA ưu tiên tính lưu thông của dữ liệu và hạn chế các rào cản vận hành của giao dịch số. EU đặt trọng tâm vào bảo vệ dữ liệu cá nhân như một quyền cơ bản và gắn các cam kết thương mại số với tiêu chuẩn bảo vệ quyền riêng tư. Trong khi đó, mô hình nhấn mạnh chủ quyền dữ liệu như Trung Quốc mở rộng đáng kể không gian điều tiết nội địa, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm về an ninh và kiểm soát dữ liệu. Việc các mô hình này đồng thời tồn tại làm nổi bật tính cạnh tranh chuẩn mực và kéo theo hệ quả là nguy cơ phân mảnh, chồng lấn nghĩa vụ và gia tăng chi phí tuân thủ trong môi trường thương mại đa thị trường.

Từ các phân tích trên, dường như cách

tiếp cận có cơ sở hơn chính là tiếp tục củng cố WTO như khung nguyên tắc để duy trì tính dự đoán được và hiệu lực vận hành của MFN và NT, đồng thời phát triển các quy định chuyên biệt về thương mại số theo hướng trung lập công nghệ, tương đương chức năng, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình, đặc biệt thông qua cơ chế kiểm soát ngoại lệ dựa trên chuẩn cần thiết và tương xứng. Bởi lẽ, nếu tuyệt đối hoá tự do dữ liệu thì sẽ gia tăng xung đột với các giá trị pháp lý liên quan đến quyền riêng tư, an ninh mạng và trật tự công đang ngày càng được củng cố trong pháp luật quốc gia; ngược lại, nếu mở rộng quá mức các cơ chế bảo lưu vì an ninh và chủ quyền sẽ làm giảm tính dự đoán được của thị trường và làm suy yếu hiệu lực vận hành của MFN và NT. Trong bối cảnh đó, xu hướng hợp tác dựa trên niềm tin và tương thích thể chế, như mô hình ở các hiệp định kinh tế số cho thấy hướng đi triển vọng, linh hoạt cho tương lai của pháp luật TMQT công để thích ứng với sự chuyển động nhanh chóng của kinh tế số toàn cầu. Các hiệp định kinh tế số như DEPA gợi mở phương thức điều chỉnh dựa trên sự tin cậy và tương thích thể chế thông qua hợp tác, chuẩn hoá thực hành và cơ chế liên thông, có khả năng giảm xung đột giữa các mô hình, hạn chế phân mảnh chuẩn mực và hỗ trợ hình thành không gian pháp lý ổn định hơn cho thương mại số trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aiken Larisa O. Serzo (2020), *Cross-border issues for digital platforms: A review of regulations applicable to Philippine digital platforms*, PIDS Discussion Paper Series No.2020-45, Philippine Institute

- for Development Studies (PIDS).
2. Akter, S., & Wamba, S. F. (2016), *Big data analytics in e-commerce: A systematic review and agenda for future research*, *Electronic Markets*, 26(2).
3. Bret Cohen, Britanie Hall, Charlie Wood (2017), “Data Localization Laws and Their Impact on Privacy, Data Security and the Global Economy”, *Antitrust*, Vol. 32, No. 1.
4. Chai, Y., Duan, Y., Ma, S., & Wang, J. (2018), “New digital infrastructure, cross-border e-commerce and global vision of creating electronic world trade platform”, *Global Trade and Customs Journal*, 13(4).
5. Chang, Y., Iakovou, E., & Shi, W. (2023), “Blockchain in global supply chains and cross border trade: A critical synthesis of the state-of-the-art, challenges and opportunities”, *International Journal of Production Research*, 58(7).
6. Cristiana Sappa (2019), “How data protection fits with the algorithmic society via two intellectual property rights - a comparative analysis”, *Journal of Intellectual Property Law & Practice*, 14(5).
7. Felicity Deane, Emily Woolmer, Shoufeng Cao, Kieran Tranter (2024), “Trade in the Digital Age: Agreements to Mitigate Fragmentation”, *Asian Journal of International Law*, 14(1).
8. Georgios Dimitropoulos (2025), “Investment law and the digital economy”, *Journal of International Dispute Settlement*, Vol. 16, Iss. 3, September.
9. Hoang, T. V. (2024), “Impact of integrated artificial intelligence and Internet of Things technologies on smart city transformation”, *Journal of Technical Education Science*, 19 (Special Issue 01).
10. Ines Willemyns (2018), *GATS Classification of Digital Services - Does 'The Cloud' Have a Silver Lining?*, SSRN.
11. James Maguire, Kristoffer Langkjær Albris, “Digital (mis)trust: ethnographic encounters with computational forms”, *Journal of Cultural Economy*, 17(6).
12. Jangirala Srinivas, Ashok Kumar Das, Neeraj Kumar (2019), *Government regulations in cyber security: Framework, standards and recommendations*, *Future Generation Computer Systems*, 92, <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0167739X18316753>
13. Jones, K. (2025), *The global trading system: What's left of the most-favored nation rule?*, <https://static1.squarespace.com/static/579fc2ad725e253a86230610/t/682b5bd94a0c6f0a919a0eb3/1747672025783/9.+Jones.pdf>
14. Joshua P. Meltzer (2020), “Cybersecurity, Digital Trade, and Data Flows: Re-thinking a Role for International Trade Rules”, *Global Economy & Development Working Paper*, No. 132, Brookings Institution.
15. Lillian Corbin và Mark Perry (2019), *Free Trade Agreements: Hegemony or Harmony*, Springer.
16. Lorenza Mola (2023), “The securitisation of international economic law and ‘global security’: an analysis of the EU law approach through the prism of the Common Commercial Policy”, 12(1), *Cambridge International Law Journal*, <https://doi.org/10.4337/cilj.2023.01.07>
17. Mark Graham và Fabian Ferrari (chủ biên) (2022), *Digital Work in the Planetary Market*, The MIT Press.

18. Mira Burri và Thomas Cottier (2012), *Introduction: Digital Technologies and International Trade Regulation*, SSRN, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1934805
19. Mira Burri và Rodrigo Polanco (2019), “Digital Trade Provisions in Preferential Trade Agreements: Introducing a New Dataset”, *Journal of International Economic Law*, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1934805
20. Mira Burri, María Vásquez Callo-Müller và Khodjelo Kugler (2024), *TAPED: Trade Agreement Provisions on Electronic Commerce and Data*, TAPED.
21. Mueller, M., & Grindal, K. (2019), *Data flows and the digital economy: information as a mobile factor of production*, Digital Policy, Regulation and Governance, 21(1), <https://vlex.co.uk/vid/data-flows-and-the-846721671>
22. Nikita Melashchenko (2022), *Data Barriers to International Trade*, Luận văn thạc sĩ, Victoria University of Wellington, https://openaccess.wgtn.ac.nz/articles/thesis/Data_Barriers_to_International_Trade/20443746?file=36580053
23. Nsiong Louis Eyo-Udo, Charles Elachi Apeh, Bernadette Bristol-Alagbariya, Chioma Ann Udeh, Chikezie Paul-Mikki Ewi (2025), “International Trade Law in the Modern World: A Review of Evolving Practices and Agreements”, *International Journal of Multidisciplinary Research and Growth Evaluation*, Vol. 6, No. 1.
24. Nuccio, M., & Guerzoni, M. (2019), *Big data: Hell or heaven? Digital platforms and market power in the data-driven economy*, Competition & Change, 23(3).
25. Omena Akpobome (2024), “The Impact of Emerging Technologies on Legal Frameworks: A Model for Adaptive Regulation”, *International Journal of Research Publication and Reviews*, 5(7).
26. Patricia J. Arnold (2005), “Disciplining domestic regulation: The World Trade Organization and the market for professional services”, *Accounting, Organizations and Society*, 30(4).
27. Rebesco, M. C. (2023), *How third-parties marketplace platforms could be used to enhance SMEs presence in foreign markets: The example of two Italian firms that used Alibaba to reach more foreign markets*, Luận văn thạc sĩ, Università Bocconi.
28. Robert Gorwa (2021), *Platform governance: the transnational politics of online content regulation*, Luận án tiến sĩ, University of Oxford.
29. Sachiko Yoshimura (2026), *Routledge Handbook on International Law*, Routledge.
30. Sam Fleuter (2016 - 2017), “The Role of Digital Products under the WTO: A New Framework for GATT and GATS Classification”, *Chicago Journal of International Law*, Vol. 17.
31. Svetlana Yakovleva (2020), “Personal Data Transfers in International Trade and EU Law: A Tale of Two ‘Necessities’”, *The Journal of World Investment & Trade*.
32. Theresa E. Miedema (2018), “Consumer Protection in Cyber Space and the Ethics of Stewardship”, *Journal of Consumer Policy*, 41(1).
33. Thomas M. Siebel (2019), *Chuyển đổi số (Digital Transformation)*, Phạm Anh Tuấn dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.